DỰ ÁN LUẬT XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH (SỬA ĐỔI)

Thời gian qua, Đảng đã ban hành nhiều nghị quyết, kết luận quan trọng về rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản còn chồng chéo, bất cập, chưa phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ; luật chỉ quy định những vấn đề khung, những vấn đề có tính nguyên tắc thuộc thẩm quyền của Quốc hội, còn những vấn đề thực tiễn thường xuyên biến động thì giao Chính phủ, Bộ, ngành, địa phương quy định để bảo đảm linh hoạt, phù hợp với thực tiễn. Bên cạnh đó, sau 13 năm triển khai thi hành, Luật Xử lý vi phạm hành chính đã nhận diện rõ những hạn chế, bất cập; cùng với tình hình vi phạm hành chính, sự phát triển của kinh tế - xã hội hiện nay đã đặt ra yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung toàn diện Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Ngày 08/9/2026, Chính phủ có Tờ trình số 665/TTr-CP trình Quốc hội về dự án Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi). Dự án Luật đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thường trực Ủy ban Pháp luật và Tư pháp và các vị đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách cho ý kiến. Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, đại biểu nêu trên, Chính phủ đã tiếp thu, giải trình, chỉnh lý dự án Luật và có Tờ trình số 879/TTr-CP ngày 10/10/2026 trình Quốc hội về dự án Luật.

Dự thảo Luật hiện tại đã sửa đổi, bổ sung nhiều nội dung quan trọng, trong đó có một số nội dung được đại biểu Quốc hội quan tâm, còn ý kiến khác nhau, cụ thể như sau:

1. Về việc không quy định cụ thể tại dự thảo Luật về cơ quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

Ý kiến khác:

Việc không quy định cụ thể tại dự thảo Luật về các cơ quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính sẽ dẫn đến không rõ đầu mối chịu trách nhiệm chính thực hiện nhiệm vụ này, không phù hợp với nguyên tắc quy định chi tiết ngay trong luật, pháp lệnh, nghị quyết và xác định cụ thể tên bộ, ngành, cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm chính đối với các nội dung liên quan đến quyền con người, quyền công dân, quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, trình tự tố tụng, thực hiện các khuyến nghị, cam kết, thỏa thuận quốc tế hoặc vấn đề khác được xác định là cơ bản, quan trọng thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội.

Ý kiến giải trình, làm rõ:

a) Về cơ sở chính trị:

Việc không quy định cụ thể trong dự thảo Luật cơ quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính phù hợp với quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày

30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Theo đó, Luật chỉ quy định những vấn đề có tính ổn định, lâu dài, liên quan đến quyền con người, quyền công dân và các nguyên tắc, chính sách lớn; đối với các nội dung mang tính kỹ thuật, quy trình, tổ chức thực hiện hoặc có tính biến động cao thì giao Chính phủ quy định chi tiết nhằm bảo đảm tính linh hoạt trong tổ chức thi hành.

b) Về cơ sở pháp lý:

- Khoản 3 Điều 96 Hiến pháp quy định Chính phủ thống nhất quản lý về các lĩnh vực, trong đó có quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; khoản 5 Điều 96 Hiến pháp quy định Chính phủ thống nhất quản lý nền hành chính quốc gia và lãnh đạo công tác của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp. Đây là cơ sở hiến định để làm rõ thẩm quyền của Chính phủ trong việc phân công, phân định nhiệm vụ giữa các bộ, cơ quan ngang bộ trong thực hiện quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

- Luật Tổ chức Chính phủ quy định nguyên tắc phân định thẩm quyền, tại khoản 4 Điều 6 Luật này quy định "Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về các ngành, lĩnh vực; thực hiện phân công phạm vi quản lý nhà nước cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ".

Như vậy, việc phân công cơ quan nào trực tiếp thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Chính phủ. Hiến pháp là luật cơ bản của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có hiệu lực pháp lý cao nhất; Luật Tổ chức Chính phủ là luật gốc của nền hành chính nhà nước, cần được quán triệt và thực hiện thống nhất, đồng bộ từ Trung ương đến địa phương.

Tại Văn bản số 229/UBTVQH16-PLTP ngày 03/9/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Văn bản số 9406/VPCP-TCCV ngày 15/9/2026 của Văn phòng Chính phủ nêu: "Tuân thủ nguyên tắc quy định chi tiết ngay trong luật, pháp lệnh, nghị quyết và xác định cụ thể tên Bộ, ngành, cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm chính đối với các nội dung liên quan đến quyền con người, quyền công dân, quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, trình tự tố tụng, thực hiện các khuyến nghị, cam kết, thỏa thuận quốc tế hoặc vấn đề khác được xác định là cơ bản, quan trọng thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội".

Cơ quan soạn thảo thấy rằng, việc phân công cơ quan nào thuộc Chính phủ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính không ảnh hưởng đến quyền con người, quyền công dân, quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, trình tự tố tụng, thực hiện các khuyến nghị, cam kết, thỏa thuận quốc tế hoặc vấn đề khác được xác định là cơ bản, quan trọng thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội. Do đó, việc không quy định cụ thể trong dự thảo Luật cơ quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ

thực hiện nhiệm vụ này không trái với nội dung của Văn bản số 229/UBTVQH16-PLTP và Văn bản số 9406/VPCP-TCCV.

c) Về cơ sở thực tiễn:

Vừa qua, Chính phủ đã sắp xếp, điều chỉnh, phân định một số nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cơ quan thuộc Chính phủ trong công tác quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực để phù hợp tình hình thực tiễn. Nhiều trường hợp cùng một lĩnh vực quản lý nhà nước nhưng Chính phủ giao một số cơ quan cùng thực hiện công tác quản lý nhà nước để phù hợp tình hình thực tiễn. Nếu quy định cụ thể trong dự thảo Luật về cơ quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính sẽ không bảo đảm tính linh hoạt do Quốc hội sẽ phải sửa đổi Luật khi Chính phủ điều chỉnh sự phân công giữa các cơ quan trong việc thực hiện nhiệm vụ này.

d) Qua rà soát, nhiều luật mới ban hành trong thời gian gần đây không quy định cụ thể tên cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thực hiện công tác quản lý nhà nước:

- Luật Viên chức năm 2025: điểm a khoản 2 Điều 39 quy định: "Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về viên chức và phân công, phân cấp cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về viên chức". Việc phân công cơ quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về viên chức (Bộ Nội vụ) được quy định tại Điều 56 Nghị định số 259/2026/NĐ-CP quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Luật Cán bộ, công chức năm 2025: khoản 2 Điều 41 quy định: "Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về công chức" mà không quy định cụ thể cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện nhiệm vụ này.

- Luật Thương mại điện tử năm 2025: khoản 2 Điều 7 quy định: "Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về thương mại điện tử". Theo đó, việc phân công cơ quan đầu mối tham mưu, giúp Chính phủ quản lý nhà nước về thương mại điện tử (Bộ Công Thương) được quy định tại khoản 1 Điều 49 Nghị định số 248/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Thương mại điện tử.

- Luật Hoà giải ở cơ sở năm 2026: khoản 1 Điều 32 quy định: "Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở trong phạm vi cả nước" và không quy định cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thực hiện công tác quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở.

- Luật Dầu khí năm 2026 chỉ quy định "cơ quan quản lý nhà nước về dầu khí" mà không quy định cụ thể tên cơ quan này.

- Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 được sửa đổi, bổ sung năm 2026: tại điểm a khoản 2 Điều 89 quy định trách nhiệm của Chính phủ "thống nhất quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng".

Như vậy, việc không quy định cụ thể trong dự thảo Luật về cơ quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính là cần thiết, có cơ sở chính trị, pháp lý, thực tiễn rõ ràng. Trong quá trình xây dựng Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật, Chính phủ sẽ phân công, phân định cụ thể nhiệm vụ giữa các cơ quan trong việc thực hiện nội dung này, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, hiệu quả, phù hợp tình hình thực tiễn.

2. Về thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính

Ý kiến khác:

Đề nghị cân nhắc việc nâng thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính (từ 01 năm đến 02 năm theo Luật hiện hành lên 01 đến 03 năm để bảo đảm phù hợp với nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính đã được quy định tại khoản 1 Điều 3 của dự thảo Luật là "Mọi vi phạm hành chính phải được phát hiện, ngăn chặn kịp thời" và "Việc xử phạt vi phạm hành chính được tiến hành nhanh chóng". Việc nâng thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính tuy sẽ tạo điều kiện để các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền thêm thời gian để phát hiện và xử lý triệt để các hành vi vi phạm hành chính nhưng cần được tiếp tục rà soát, có sự phân hóa cụ thể đối với những lĩnh vực được phép kéo dài thời hiệu xử phạt để bảo đảm việc ngăn chặn kịp thời, hạn chế thấp nhất việc gây hậu cho người dân, xã hội.

Ý kiến tiếp thu, giải trình, làm rõ:

Dự thảo Luật đã nâng thời hiệu xử phạt tối đa từ 02 năm lên 03 năm, đồng thời nâng thời hiệu xử phạt lên 02 năm hoặc 03 năm đối với một số lĩnh vực nhằm bảo đảm nguyên tắc mọi vi phạm hành chính phải bị xử lý nghiêm minh; đồng thời nâng cao tính răn đe, góp phần nâng cao hiệu quả phòng ngừa vi phạm pháp luật và ý thức tự giác chấp hành pháp luật của các cá nhân, tổ chức. Bên cạnh đó, việc nâng thời hiệu chỉ áp dụng đối với một số lĩnh vực xảy ra nhiều hành vi phạm phức tạp, tác động lớn đến trật tự xã hội, cần nhiều thời gian để xác minh, phân tích kiểm định, giám định như: an toàn thực phẩm; chất lượng sản phẩm, hàng hóa; bảo vệ môi trường; khoáng sản.

Cơ quan soạn thảo sẽ tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, cơ quan có liên quan rà soát, đánh giá kỹ lưỡng để đề xuất thời hiệu xử phạt phù hợp với đặc thù của từng lĩnh vực.

3. Về mức phạt tiền trong xử phạt vi phạm hành chính

Ý kiến khác:

Việc nâng mức phạt tiền tối đa trong xử phạt vi phạm hành chính từ 01 tỷ đồng lên 1,5 tỷ đồng đối với cá nhân, từ 02 tỷ đồng lên 03 tỷ đồng đối với tổ chức là khá cao (tăng 1,5 lần). Nếu mức phạt tiền quá cao, vượt quá khả năng tài chính thực tế của đa số cá nhân và nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể dẫn đến tình trạng trốn tránh việc thực hiện, làm giảm hiệu lực, hiệu quả của việc xử

phạt nói riêng và thi hành pháp luật nói chung. Đồng thời, việc tăng mức phạt lên quá cao so với tốc độ tăng trưởng thu nhập hay khả năng chi trả của người dân, doanh nghiệp, có thể ảnh hưởng hoạt động sản xuất kinh doanh của tổ chức và đời sống của người dân, dễ tạo ra những ý kiến, quan điểm trái chiều nên cần được tính toán, đánh giá tác động kỹ lưỡng về nhiều mặt.

Bên cạnh phương án tăng mức phạt tiền thì cần xem xét giải pháp áp dụng triệt để các biện pháp khắc phục hậu quả (như: buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu, buộc phá dỡ công trình không đúng quy định, buộc nộp lại số lợi bất chính có được do thực hiện vi phạm…) và hình thức phạt bổ sung (tước quyền sử dụng giấy phép, đình chỉ hoạt động…).

Ý kiến tiếp thu, giải trình, làm rõ:

Dự thảo Luật đã nâng mức phạt tiền tối đa trong xử phạt vi phạm hành chính từ 01 tỷ đồng lên 1,5 tỷ đồng đối với cá nhân, từ 02 tỷ đồng lên 03 tỷ đồng đối với tổ chức; đồng thời nâng mức phạt tiền tối đa đối với một số lĩnh vực. Việc nâng mức phạt tiền để phù hợp với mức tăng lương cơ sở, thu nhập bình quân đầu người, sự phát triển của kinh tế - xã hội, bảo đảm tính răn đe, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi vi phạm trong các lĩnh vực như: bảo vệ môi trường; an toàn thực phẩm; chất lượng sản phẩm, hàng hóa; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; khám bệnh, chữa bệnh. Cơ quan soạn thảo sẽ tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, cơ quan có liên quan rà soát, đánh giá kỹ lưỡng để đề xuất mức phạt tiền tối đa phù hợp với đặc thù của từng lĩnh vực.

Quá trình xây dựng các nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong từng lĩnh vực, Chính phủ sẽ rà soát, nghiên cứu kỹ lưỡng để áp dụng các hình thức xử phạt khác (như tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính) và các biện pháp khắc phục hậu quả phù hợp với tính chất, mức độ của từng hành vi vi phạm và tình hình thực tiễn chứ không chỉ áp dụng hình phạt tiền.

3. Về việc bổ sung các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

Ý kiến khác:

Các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là biện pháp cưỡng chế nhà nước, có tác động, ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức nên việc bổ sung các biện pháp cưỡng chế cần quán triệt đầy đủ các chủ trương, định hướng của Đảng, nhất là Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng trong đó có nội dung về "bảo đảm và bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân..." và cần được quy định cụ thể về trình tự, thủ tục, điều kiện và thời hạn áp dụng, đồng thời phải có đánh giá tác động thật đầy đủ, kỹ lưỡng để bảo đảm tính thuyết phục và tạo sự đồng thuận cao.

Ý kiến làm rõ:

a) Qua tổng kết thực tiễn thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính cho thấy, hiện nay pháp luật về xử lý vi phạm hành chính mới chỉ có 05 biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; trong đó có 04 biện pháp là để cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt có hình thức xử phạt tiền và biện pháp cuối cùng là để cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt có biện pháp khắc phục hậu quả.

Tuy nhiên, trên thực tế còn một số hình thức xử phạt bổ sung như tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn, đình chỉ hoạt động có thời hạn… và thi hành biện pháp khắc phục hậu quả chưa có cơ chế cưỡng chế cụ thể khi người vi phạm không tự nguyện chấp hành. Việc thiếu các biện pháp bảo đảm cưỡng chế thi hành trên thực tế dẫn đến tình trạng quyết định xử phạt vi phạm hành chính không được thi hành hoặc thi hành không đầy đủ, nhất là đối với các cá nhân, tổ chức cố tình chây ỳ, né tránh nghĩa vụ chấp hành.

b) Dự thảo Luật đã bổ sung các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt mới, gồm:

- Tạm hoãn xuất cảnh đối với cá nhân, người đứng đầu tổ chức chưa chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Trên thực tiễn, không ít trường hợp cá nhân vi phạm hoặc người đại diện, người đứng đầu tổ chức lợi dụng việc xuất cảnh để trì hoãn, né tránh nghĩa vụ chấp hành quyết định xử phạt, gây khó khăn cho công tác tổ chức thi hành và thu hồi tiền phạt. Do đó, việc bổ sung biện pháp này nhằm ngăn ngừa hành vi trốn tránh nghĩa vụ, bảo đảm đồng bộ với hệ thống pháp luật hiện hành.

- Niêm phong trụ sở, địa điểm, cơ sở hoặc bộ phận cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Việc bổ sung biện pháp niêm phong trụ sở, địa điểm hoặc bộ phận cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nhằm tạo cơ chế áp dụng trong trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm không chấp hành biện pháp xử phạt bổ sung như đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc biện pháp khắc phục hậu quả như buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh.

- Yêu cầu ngừng cung cấp dịch vụ điện, nước đối với công trình, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Việc bổ sung biện pháp ngừng cung cấp dịch vụ điện, nước nhằm tạo cơ chế áp dụng trong trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm không chấp hành hình thức xử phạt bổ sung như đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc biện pháp khắc phục hậu quả như buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu; buộc phá dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép; qua đó tạo tính răn đe cao, buộc tổ chức, cá nhân phải chấp hành nghiêm túc các quy định pháp luật, qua đó nâng cao ý thức chấp hành pháp luật

và bảo đảm việc thi hành quyết định xử phạt được thực hiện nghiêm túc, đúng thời hạn.

- Tạm dừng đăng kiểm; tạm dừng đăng ký xe; tạm dừng cấp giấy phép lái xe.

Việc bổ sung biện pháp này nhằm tạo cơ chế áp dụng trong trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm không chấp hành biện pháp xử phạt bổ sung như tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn, bảo đảm gắn nghĩa vụ chấp hành quyết định xử phạt với quyền tham gia giao thông, qua đó nâng cao tính răn đe, phòng ngừa vi phạm tái diễn và góp phần bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

- Yêu cầu ngừng cung cấp dịch vụ Internet, dịch vụ viễn thông, hạ tầng số hoặc thực hiện biện pháp ngăn chặn kỹ thuật, chặn truy cập đối với tổ chức, cá nhân không chấp hành hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, đình chỉ hoạt động có thời hạn, biện pháp khắc phục hậu quả trên môi trường điện tử theo quy định của pháp luật.

Việc bổ sung biện pháp cưỡng chế này nhằm bảo đảm cưỡng chế đối với tổ chức, cá nhân không chấp hành hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả trên môi trường điện tử.

c) Quá trình xây dựng dự án Luật, cơ quan soạn thảo đã đánh giá tác động kỹ lưỡng, toàn diện về việc bổ sung các biện pháp cưỡng chế nêu trên. Dự thảo Luật cũng đã quy định chặt chẽ về nguyên tắc, điều kiện áp dụng các biện pháp này, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, không làm ảnh hưởng đến cá nhân, tổ chức không liên quan đến hành vi vi phạm, phù hợp với thực tiễn.

4. Về việc bổ sung biện pháp cưỡng chế "tạm hoãn xuất cảnh", "ngừng cung cấp dịch vụ điện, nước", "ngừng cung cấp dịch vụ Internet, dịch vụ viễn thông, hạ tầng số"

Ý kiến khác:

Các biện pháp này sẽ tác động lớn đến quyền con người, quyền công dân. Do đó việc bổ sung các biện pháp này cần được cân nhắc kỹ lưỡng, thận trọng và quy định chặt chẽ về nguyên tắc, điều kiện áp dụng ngay tại dự thảo Luật.

Ý kiến tiếp thu, làm rõ:

a) Việc bổ sung các biện pháp cưỡng chế "tạm hoãn xuất cảnh", "ngừng cung cấp dịch vụ điện, nước", "ngừng cung cấp dịch vụ Internet, dịch vụ viễn thông, hạ tầng số" đã được cơ quan soạn thảo nghiên cứu, rà soát, đánh giá kỹ lưỡng để bảo đảm việc thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính được thi hành hiệu quả. Trên thực tế, không ít trường hợp cá nhân vi phạm hoặc người đại diện, người đứng đầu tổ chức lợi dụng việc xuất cảnh để trì hoãn, né tránh nghĩa vụ chấp hành quyết định xử phạt. Đồng thời, nhiều cá nhân, tổ chức cố tình chây ỳ không thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, tiếp tục các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ để thu lợi.

Riêng đối với biện pháp "ngừng cung cấp dịch vụ Internet, dịch vụ viễn thông, hạ tầng số": hiện nay, hoạt động vi phạm trên môi trường số, đặc biệt là thương mại điện tử xuyên biên giới, ngày càng phổ biến và có nhiều trường hợp đối tượng vi phạm là tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp dịch vụ qua Internet nhưng không có trụ sở, chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam. Đối với các trường hợp này, nhiều biện pháp xử phạt truyền thống như tước quyền sử dụng giấy phép, đình chỉ hoạt động hoặc các biện pháp cưỡng chế gắn với hiện diện vật lý trên thực tế rất khó hoặc không thể thực hiện được. Vì vậy, cần bổ sung cơ sở pháp lý chung về các biện pháp ngăn chặn, xử lý và cưỡng chế trên môi trường số để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và khả năng thực thi pháp luật đối với các hành vi vi phạm trên không gian mạng.

Do đó, cần thiết phải bổ sung 03 biện pháp cưỡng chế này để bảo đảm việc thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

b) Qua rà soát các quy định pháp luật, cơ quan soạn thảo thấy rằng hiện nay, một số văn bản quy phạm pháp luật đã có quy định về các biện pháp này.

- Đối với biện pháp "ngừng cung cấp dịch vụ điện, nước":

+ Tại khoản 2 Điều 33 Luật Thủ đô năm 2024 quy định: "Trong trường hợp thật cần thiết để bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp được áp dụng biện pháp yêu cầu ngừng cung cấp dịch vụ điện, nước đối với công trình, cơ sở sản xuất, kinh doanh".

+ Tại khoản 2 Điều 32 Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở quy định: "Trường hợp có hư hỏng phần sở hữu riêng mà ảnh hưởng đến các chủ sở hữu khác thì chủ sở hữu có trách nhiệm sửa chữa các hư hỏng đó, nếu chủ sở hữu không thực hiện sửa chữa thì đơn vị quản lý vận hành hoặc người được giao quản lý nhà chung cư được tạm ngừng hoặc đề nghị đơn vị cung cấp dịch vụ tạm ngừng cung cấp dịch vụ điện, nước sinh hoạt đối với phần sở hữu riêng này...".

- Đối với biện pháp "tạm hoãn xuất cảnh":

Tại khoản 6 Điều 36 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019 (được sửa đổi, bổ sung năm 2023) quy định trường hợp bị tạm hoãn xuất cảnh là "Người đang bị cưỡng chế, người đại diện cho tổ chức đang bị cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn".

- Đối với biện pháp "ngừng cung cấp dịch vụ Internet, dịch vụ viễn thông, hạ tầng số"

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 Luật Thương mại điện tử số 122/2025/QH15, đối với hành vi vi phạm trong thương mại điện tử có thể áp dụng các biện pháp như: chặn truy cập; tạm ngừng chức năng giao dịch của nền

tảng thương mại điện tử; gỡ bỏ nội dung vi phạm; tạm ngừng hoặc chấm dứt tài khoản vi phạm trên nền tảng thương mại điện tử và các biện pháp khác phù hợp với đặc thù của môi trường số.

Do đó, việc bổ sung các biện pháp cưỡng chế nêu trên là bảo đảm phù hợp, đồng bộ trong hệ thống pháp luật. Dự thảo Luật đã quy định chặt chẽ về nguyên tắc, điều kiện áp dụng các biện pháp này, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, không làm ảnh hưởng đến cá nhân, tổ chức không liên quan đến hành vi vi phạm, phù hợp với thực tiễn.

5. Về việc chuyển thẩm quyền áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa đi cai nghiện bắt buộc, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc từ Tòa án nhân dân khu vực sang Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

Ý kiến khác:

Theo các lập luận, quan điểm của Chính phủ khi xây dựng Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì việc chuyển cho Tòa án nhân dân xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo trình tự, thủ tục tố tụng tư pháp (thay vì giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân quyết định theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002) là xu hướng tiến bộ, vì xét về bản chất, các biện pháp này là những biện pháp cưỡng chế nhà nước, hạn chế quyền tự do của công dân, cần được xem xét quyết định theo một trình tự, thủ tục tư pháp theo đúng tinh thần "các cơ quan tư pháp phải thật sự là chỗ dựa của nhân dân trong việc bảo vệ công lý, quyền con người" đã được khẳng định tại Nghị quyết số 49-NQ/TW về Chiến lược cải cách tư pháp. Do đó, việc đề xuất chuyển lại thẩm quyền này cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã là chưa thật sự phát huy tinh thần và kết quả đạt được của công cuộc cải cách tư pháp trong thời gian vừa qua. Có ý kiến cho rằng, việc chuyển giao thẩm quyền này cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời điểm này tuy cũng là phù hợp với chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tăng cường và phát huy vai trò, trách nhiệm của chính quyền cơ sở, nơi trực tiếp quản lý công dân, nhưng cũng cần được cân nhắc thận trọng do chính quyền cấp xã hiện đang ở vào tình trạng quá tải trong thời gian đầu thực hiện mô hình chính quyền 02 cấp.

Ý kiến giải trình, làm rõ:

a) Về cơ sở chính trị:

Ngày 18/10/2026, Văn phòng Trung ương Đảng đã có Công văn số 5841-CV/VPTW thông báo ý kiến của Bộ Chính trị về dự án Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi), trong đó đồng ý định hướng chuyển thẩm quyền áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa đi cai nghiện bắt buộc, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc từ Tòa án nhân dân khu vực sang Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Về cơ sở thực tiễn:

- Đối với biện pháp đưa đi cai nghiện bắt buộc: tính đến ngày

14/01/2026, toàn quốc có: tổng số người sử dụng trái phép chất ma tuý và người nghiện ma túy là 145.461 người, trong đó: số ngoài xã hội là 87.946 người; số trong trại tạm giam, nhà tạm giữ là 10.714 người; số trong cơ sở cai nghiện là 46.801 người.

Những người nghiện ma túy thường liên quan đến các tội phạm có tính chất nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng. Trước tình hình đó, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) đã quy định bổ sung Tội sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 256a). Thực tiễn áp dụng pháp luật cho thấy, những người trên 18 tuổi nghiện ma túy cần phải đưa đi cai nghiện bắt buộc chiếm tỷ lệ rất lớn trong số người nghiện ma túy và người sử dụng trái phép chất ma túy. Hiện tại, việc xác định tình trạng nghiện ma túy, lập hồ sơ để đưa đi cai nghiện bắt buộc do Công an cấp xã thực hiện, thời gian tạm giữ người theo thủ tục hành chính để xác định tình trạng nghiện tối đa là 05 ngày. Sau đó, hồ sơ được chuyển cho Tòa án nhân dân khu vực xem xét, quyết định áp dụng trong thời hạn tối đa 20 ngày. Trong thời gian chờ Tòa án ra quyết định, không có cơ chế quản lý các đối tượng đã xác định tình trạng nghiện dẫn tới tình trạng đối tượng bỏ trốn khỏi nơi cư trú, phạm tội. Bên cạnh đó, việc Công an cấp xã (cơ quan hành chính) trực tiếp quản lý đối tượng, địa bàn, lập hồ sơ đề nghị áp dụng nhưng Tòa án nhân dân khu vực (cơ quan tư pháp) có thẩm quyền quyết định áp dụng làm phát sinh thêm khâu trung gian, kéo dài thời gian xử lý.

Bởi vậy, để quản lý chặt chẽ đối tượng phải đưa đi cai nghiện bắt buộc, phòng ngừa, ngăn chặn, kéo giảm tội phạm, xây dựng xã hội không ma túy thì việc chuyển thẩm quyền đưa đi cai nghiện bắt buộc từ Tòa án nhân dân khu vực sang Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nhằm tháo gỡ điểm nghẽn pháp lý, phù hợp với tình hình thực tiễn phòng, chống tội phạm ở Việt Nam, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu trong các nghị quyết của Đảng.

- Đối với biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc:

Thủ tục áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc tương tự như biện pháp đưa đi cai nghiện bắt buộc. Biện pháp này được áp dụng đối với người từ đủ 18 tuổi trở lên vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội mà không phải là tội phạm. Các đối tượng này có nguy cơ cao tiếp tục vi phạm pháp luật, phạm tội, cần thiết phải nhanh chóng đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc. Nếu thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp này tiếp tục giao cho Tòa án nhân dân khu vực sẽ dẫn đến những điểm nghẽn pháp lý, gây khó khăn trong việc phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm, quản lý, giáo dục đối tượng (trong năm 2025, toàn quốc mới chỉ có 349 đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc).

Theo đó, việc chuyển thẩm quyền này nhằm:

(1) Cắt giảm trình tự, thủ tục, thời gian chuyển hồ sơ, xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa đi cai nghiện bắt buộc, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

(2) Kịp thời đưa người nghiện ma túy, người vi phạm pháp luật vào cơ sở

cai nghiện ma túy công lập, cơ sở giáo dục bắt buộc để cai nghiện ma túy, lao động, học văn hóa, học nghề.

(3) Quản lý chặt chẽ người nghiện ma túy, người vi phạm pháp luật trong thời gian chờ xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp này. Hạn chế tình trạng họ bỏ trốn; phòng ngừa nguy cơ họ tiếp tục vi phạm pháp luật hoặc phạm tội trong thời gian này.

(4) Phù hợp với chủ trương tăng cường phân cấp, phân quyền cho chính quyền cấp xã sau khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; giảm tải nhiệm vụ cho Tòa án nhân dân khu vực.

(5) Phát huy vai trò, trách nhiệm của chính quyền cấp xã trong việc trực tiếp bảo vệ an ninh, trật tự, đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật và quản lý công dân ở địa phương; góp phần xây dựng xã hội không ma túy, thực hiện thắng lợi các mục tiêu trong các nghị quyết của Đảng.

c) Về ý kiến cho rằng việc chuyển thẩm quyền từ Tòa án nhân dân sang Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã là chưa phát huy tinh thần cải cách tư pháp

Việc giao Tòa án nhân dân xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính theo Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 là một bước tiến quan trọng trong việc tăng cường bảo đảm quyền con người, quyền công dân, kiểm soát quyền lực và bảo đảm tính khách quan trong áp dụng các biện pháp hạn chế quyền tự do của cá nhân. Tuy nhiên, việc tiếp tục duy trì thẩm quyền của Tòa án hay phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cần được xem xét trong điều kiện tổ chức bộ máy, mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và yêu cầu đổi mới phương thức quản lý nhà nước hiện nay. Việc dự thảo đề xuất chuyển thẩm quyền không nhằm phủ nhận vai trò của Tòa án trong bảo vệ quyền con người, mà xuất phát từ yêu cầu đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tăng cường trách nhiệm của chính quyền cơ sở, nơi trực tiếp quản lý địa bàn và đối tượng.

Đồng thời, do các biện pháp này có tính chất hạn chế quyền tự do của cá nhân, dự thảo Luật đã quy định chặt chẽ về căn cứ, điều kiện, trình tự, thủ tục, trách nhiệm của người có thẩm quyền, quyền khiếu nại, khởi kiện và cơ chế kiểm tra, giám sát, bảo đảm việc phân cấp không làm giảm mức độ bảo đảm quyền con người, quyền công dân.

d) Về ý kiến cho rằng cần cân nhắc thận trọng do chính quyền cấp xã hiện đang ở vào tình trạng quá tải trong thời gian đầu thực hiện mô hình chính quyền 02 cấp

Việc phân định, chuyển giao thẩm quyền được đề xuất trên cơ sở yêu cầu tổ chức lại nhiệm vụ, thẩm quyền theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, bảo đảm cơ quan được giao thẩm quyền có khả năng giải quyết công việc kịp thời, sát địa bàn và gắn với trách nhiệm quản lý nhà nước tại cơ sở. Đối với

Công an cấp xã và Ủy ban nhân dân cấp xã, đây là cấp trực tiếp nắm tình hình địa bàn, quản lý dân cư, tiếp nhận và xác minh thông tin liên quan đến người thuộc diện xem xét áp dụng biện pháp, vì vậy Trưởng Công an cấp xã và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có điều kiện thuận lợi để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Việc tổ chức thực hiện sẽ được đặt trong tổng thể phương án bố trí, kiện toàn tổ chức bộ máy, nhân lực và nguồn lực theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; đồng thời tăng cường hướng dẫn nghiệp vụ, kiểm tra, giám sát và cơ chế phối hợp giữa cấp xã với các cơ quan cấp tỉnh.

6. Về việc xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản đối với trường hợp vi phạm hành chính được phát hiện bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật, nghiệp vụ

Ý kiến khác:

Biên bản vi phạm hành chính không chỉ có ý nghĩa ghi nhận hành vi vi phạm mà còn là căn cứ để ghi nhận ý kiến của người vi phạm, việc giải thích quyền, nghĩa vụ của họ, đặc biệt là quyền giải trình, cũng như các tình tiết khác của vụ việc. Do đó, việc không lập biên bản trong mọi trường hợp phát hiện bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật, nghiệp vụ có thể ảnh hưởng đến việc bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức vi phạm. Việc quy định tất cả các trường hợp được phát hiện bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật, nghiệp vụ đều không phải lập biên bản vi phạm hành chính có thể dẫn đến việc thủ tục xử phạt không lập biên bản được áp dụng một cách dàn trải, không phân biệt tính chất, mức độ phức tạp của vụ việc, làm gia tăng nguy cơ tùy nghi trong quá trình áp dụng pháp luật và ảnh hưởng đến việc bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức vi phạm.

Ý kiến giải trình, làm rõ:

Hiện nay, các hành vi vi phạm hành chính được phát hiện qua phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ (như cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới; phương tiện đo nồng độ cồn trong hơi thở; hệ thống camera giám sát an ninh, trật tự, điều hành giao thông…) đã có đầy đủ căn cứ, dữ liệu để ra quyết định xử phạt. Cụ thể:

- Kết quả thu thập được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ phải được ghi nhận bằng văn bản, gồm các thông tin cơ bản sau: tên cơ quan, đơn vị và chữ ký, họ tên của người sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ; tên, địa chỉ của cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm (trường hợp xác minh được); bản ảnh, hình ảnh (đối với thiết bị ghi hình, phương tiện đo tốc độ phương tiện giao thông có ghi hình ảnh); âm thanh (đối với thiết bị ghi âm); chỉ số đo, phân tích (đối với phương tiện, thiết bị có chức năng đo lường, phân tích, kiểm định); thời gian, địa điểm xảy ra vi phạm; hành vi vi phạm hoặc kết luận về kết quả đo lường, phân tích, kiểm định; các thông tin khác liên quan đến hành

vi vi phạm (nếu có). Các thông tin nêu trên đã tương ứng với các thông tin quan trọng trong biên bản vi phạm hành chính.

- Khi có kết quả thu thập được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, người có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ việc xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật xử lý vi phạm hành chính và thực hiện theo các bước sau: xác định thông tin về tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính; gửi thông báo bằng văn bản yêu cầu cá nhân, tổ chức vi phạm đến trụ sở cơ quan, đơn vị của người có thẩm quyền để giải quyết vụ việc, trừ trường hợp người có thẩm quyền đã xác định được cá nhân, tổ chức vi phạm và cá nhân, tổ chức có liên quan (nếu có) tại địa điểm, tuyến, địa bàn xảy ra hành vi vi phạm; ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính và tổ chức thi hành quyết định xử phạt theo quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, khoản 4 Điều 44 dự thảo Luật quy định "Trường hợp chưa đủ căn cứ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc thuộc trường hợp giải trình, thì người có thẩm quyền không phải lập biên bản vi phạm hành chính nhưng phải thực hiện thủ tục quy định tại các điều 47, 48, 49 và 50 của Luật này". Trong trường hợp phải thực hiện các thủ tục quy định tại các điều 47 (xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính), 48 (thu thập phương tiện điện tử, dữ liệu điện tử), 49 (xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính) và 50 (giải trình) của dự thảo Luật, người có thẩm quyền phải lập các văn bản, tài liệu thể hiện quá trình và kết quả thực hiện các thủ tục này, do đó sẽ đảm bảo ghi nhận khách quan, chính xác, đầy đủ quá trình, kết quả xác minh tình tiết, thu thập phương tiện điện tử, dữ liệu điện tử, xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giải trình để làm căn cứ ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Như vậy, trường hợp này không cần thiết phải lập biên bản vi phạm hành chính để rút ngắn quy trình, thời gian xử phạt mà vẫn bảo đảm tính chính xác, khách quan. Việc phải lập biên bản vi phạm hành chính trong các trường hợp này làm tăng thủ tục xử phạt không cần thiết, kéo dài thời gian xử lý, phát sinh chi phí và chưa phù hợp với yêu cầu cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số trong hoạt động quản lý nhà nước.

7. Về tính thống nhất với Bộ luật Hình sự

Ý kiến khác:

Đề nghị tiếp tục rà soát, đối chiếu dự thảo Luật Xử lý vi phạm hành chính với các dự thảo Luật cùng trình Quốc hội xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ 2 bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, đặc biệt là với dự thảo Bộ luật Hình sự (sửa đổi) để không tạo ra khoảng trống pháp lý hoặc chồng lấn giữa tội phạm và vi phạm hành chính

Ý kiến giải trình, làm rõ:

Dự thảo Luật Xử lý vi phạm hành chính và dự thảo Bộ luật Hình sự (sửa đổi) luôn được rà soát, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, không tạo khoảng trống pháp lý hoặc chồng lấn giữa tội phạm và vi phạm hành chính, phân định rõ trách nhiệm hình sự với trách nhiệm hành chính. Cụ thể như sau:

- Về đối tượng bị xử lý vi phạm hành chính

+ Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính là cá nhân, tổ chức (bao gồm cả pháp nhân thương mại), trong đó có người không quốc tịch và cá nhân, tổ chức nước ngoài. Đối tượng phải chịu trách nhiệm hình sự là cá nhân, pháp nhân thương mại, trong đó có người không quốc tịch và người nước ngoài, pháp nhân thương mại nước ngoài.

+ Đối tượng bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính là cá nhân vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội mà không phải là tội phạm. Các biện pháp xử lý hành chính không áp dụng đối với người nước ngoài.

- Về mức phạt tiền

Mức phạt tiền tại dự thảo Luật Xử lý vi phạm hành chính đã hợp lý so với mức phạt tiền tại dự thảo Bộ luật Hình sự, cụ thể:

+ Dự thảo Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định mức phạt tiền trong xử phạt vi phạm hành chính từ 50.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 100.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng đối với tổ chức.

+ Dự thảo Bộ luật Hình sự quy định mức phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 12.000.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 100.000.000 đồng đến 40.000.000.000 đồng đối với pháp nhân thương mại.

Trong quá trình xây dựng, sửa đổi, bổ sung các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước, Chính phủ sẽ rà soát khung phạt tiền, mức phạt tiền cụ thể đối với từng hành vi vi phạm hành chính để phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả của từng hành vi vi phạm hành chính và hợp lý với mức phạt tiền đối với tội phạm tương ứng quy định tại Bộ luật Hình sự.

- Về việc chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự

Dự thảo Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định theo hướng nếu xét thấy hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm, thì người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc phải chuyển hồ sơ liên quan đến hành vi có dấu hiệu tội phạm cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự.

- Về việc chuyển hồ sơ vụ vi phạm để xử phạt vi phạm hành chính

Dự thảo Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định theo hướng đối với vụ việc do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự thụ lý, giải quyết, nhưng sau đó ban hành một trong các quyết định không khởi tố vụ án hình sự,

quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án, quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm hình sự theo bản án, nếu hành vi có dấu hiệu vi phạm hành chính thì người có thẩm quyền của cơ quan đang thụ lý vụ án phải xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền. Trường hợp không có thẩm quyền xử phạt, thì phải chuyển quyết định kèm theo hồ sơ (bản sao y), tang vật, phương tiện vi phạm liên quan đến hành vi vi phạm hành chính trong vụ việc, trừ trường hợp tang vật, phương tiện là vật chứng và văn bản đề nghị xử phạt vi phạm hành chính cho người có thẩm quyền xử phạt.

- Về tình tiết "đã bị xử phạt vi phạm hành chính" tại Bộ luật Hình sự

Dự thảo Bộ luật Hình sự quy định 91 tội phạm có tình tiết "đã bị xử phạt vi phạm hành chính" mà còn vi phạm. Trong quá trình xây dựng các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước, Chính phủ sẽ rà soát các hành vi vi phạm hành chính để bảo đảm thống nhất với các tội phạm quy định tại Bộ luật Hình sự, đặc biệt là đối với các tội phạm có tình tiết "đã bị xử phạt vi phạm hành chính" mà còn vi phạm./.